

DỰ THẢO

QUY ĐỊNH

Một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2030

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND
ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2030 trong các lĩnh vực: khoa học, công nghệ; chuyển đổi số; khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; sở hữu trí tuệ; phát triển thị trường khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ; xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hoạt động đo lường, chất lượng.

Đối với các nội dung hỗ trợ không được ghi trong quy định này thì thực hiện theo quy định của các văn bản hiện hành có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã và cá nhân trên địa bàn tỉnh có hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực được quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Các cơ quan quản lý nhà nước; các tổ chức và cá nhân có liên quan trong tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này;

c) Nghị quyết này không áp dụng đối với doanh nghiệp, tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Việc hỗ trợ đảm bảo công khai, minh bạch, bình đẳng.

2. Các chính sách hỗ trợ chỉ áp dụng một lần trong một năm cho cùng một đối tượng và nội dung hỗ trợ. Đối với mỗi nội dung hỗ trợ, khi tổ chức, cá nhân đã được hưởng các chính sách hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước khác thì không được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này.

3. Các đối tượng được hưởng hỗ trợ kinh phí theo Nghị quyết này nếu vi phạm nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ phải hoàn trả lại kinh phí đã hỗ trợ về ngân sách nhà nước.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn trình tự, thủ tục cho từng đối tượng, nội dung hỗ trợ.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí thực hiện được bố trí từ dự toán chi Ngân sách nhà nước trong tổng chi ngân sách hàng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí theo các quy định hiện hành của nhà nước.

Chương II

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ; ỨNG DỤNG, ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ

Điều 4. Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến

1. Điều kiện hỗ trợ

Doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư được ban hành tại Phụ lục II Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

b) Có hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ) hoặc hợp đồng mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

c) Công nghệ được chuyển giao thuộc dự án quy định tại điểm a khoản này.

2. Hình thức hỗ trợ

a) Hỗ trợ trực tiếp thực hiện mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sau khi hợp đồng được thanh lý.

b) Hỗ trợ kinh phí thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thông qua hình thức tuyển chọn, giao trực tiếp.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

Ngoài hưởng các ưu đãi đối với ngành, nghề ưu đãi đầu tư và địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp được hưởng các mức hỗ trợ sau:

a) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng, tối đa đến 500 triệu đồng/hợp đồng.

b) Hỗ trợ 100% kinh phí, tối đa đến 2.000 triệu đồng/nhiệm vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Mức hỗ trợ cụ thể được xác định căn cứ vào nhu cầu thực tế của từng hồ sơ, trên cơ sở kết quả thẩm định và ý kiến của Hội đồng tư vấn cấp tỉnh đánh giá, xét duyệt.

Điều 5. Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động giải mã công nghệ

1. Điều kiện hỗ trợ

Doanh nghiệp thực hiện một trong các hoạt động: Đầu tư phòng thí nghiệm, phân tích mẫu, mô hình hóa và mô phỏng, kiểm chuẩn, xưởng chế thử, kiểm nghiệm và tạo mẫu.

2. Hình thức hỗ trợ:

Hỗ trợ trực tiếp sau khi đã thực hiện một trong các hoạt động tại khoản 1 Điều này.

3. Nội dung và mức hỗ trợ:

Hỗ trợ 30% kinh phí thực hiện một trong các hoạt động tại khoản 1 Điều này, tối đa đến 1.000 triệu đồng.

Điều 6. Hỗ trợ tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động giải mã công nghệ

1. Điều kiện hỗ trợ

Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động giải mã công nghệ; công nghệ cần

giải mã là công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch.

2. Hình thức hỗ trợ

Hỗ trợ kinh phí thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thông qua hình thức tuyển chọn, giao trực tiếp.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ để thực hiện hoạt động giải mã công nghệ; tối đa đến 2.000 triệu đồng/nhiệm vụ. Mức hỗ trợ cụ thể được xác định căn cứ vào nhu cầu thực tế của từng hồ sơ, trên cơ sở kết quả thẩm định và ý kiến của Hội đồng tư vấn cấp tỉnh đánh giá, xét duyệt.

Chương III

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 7. Hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

1. Điều kiện hỗ trợ

Tổ chức, doanh nghiệp có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh được chứng nhận lần đầu là tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ.

2. Hình thức hỗ trợ

Hỗ trợ trực tiếp cho tổ chức, doanh nghiệp sau khi được cấp Giấy chứng nhận.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ được hỗ trợ 100 triệu đồng.

b) Doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ 150 triệu đồng.

Điều 8. Chính sách hỗ trợ hoạt động xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ

1. Điều kiện hỗ trợ

Doanh nghiệp, tổ chức có sản phẩm khoa học và công nghệ tham gia các hoạt động xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ ở trong nước (thông qua các sự kiện như: Chợ công nghệ và thiết bị (Techmart); diễn đàn cung - cầu công nghệ (TechDemo); sự kiện về công nghệ, thiết bị do Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức hoặc ở nước ngoài (trình diễn, giới thiệu, tham gia chợ, hội chợ công nghệ...) theo văn bản giới thiệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Hình thức hỗ trợ

Hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp, tổ chức sau khi tham gia.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức tham gia xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ ở trong nước: 50 triệu đồng/doanh nghiệp, tổ chức.

b) Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức tham gia xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ ở ngoài nước: 100 triệu đồng/doanh nghiệp, tổ chức.

Điều 9. Hỗ trợ ứng dụng và nhân rộng các kết quả từ việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

1. Điều kiện hỗ trợ

Doanh nghiệp, tổ chức thực hiện dự án hoặc mô hình ứng dụng và nhân rộng các kết quả hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền đánh giá, nghiệm thu xếp loại “Đạt” trở lên; dự án/mô hình có quy mô phù hợp, có địa chỉ ứng dụng cụ thể được thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Ưu tiên hỗ trợ các dự án/mô hình sản xuất các sản phẩm nông nghiệp và ứng dụng rộng rãi các giống cây trồng, giống vật nuôi mới có năng suất, chất lượng cao; sản xuất nông nghiệp hữu cơ; áp dụng quy trình VietGAP, GlobalGAP; quy trình chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp, an toàn sinh học; nuôi thâm canh, tự động kiểm soát và xử lý môi trường bằng các công nghệ tiên tiến; ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, hiệu quả trong lĩnh vực sản xuất chế biến các sản phẩm làng nghề, sản phẩm tiểu thủ công nghiệp, sản phẩm nông nghiệp đặc thù của các địa phương, có giá trị kinh tế, và khả năng tiêu thụ cao của thị trường; xử lý môi trường làng nghề.

2. Hình thức hỗ trợ

- Hỗ trợ kinh phí thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thông qua hình thức tuyển chọn, giao trực tiếp.

- Hỗ trợ trực tiếp mô hình.

3. Nội dung và mức hỗ trợ:

Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ/mô hình để thực hiện ứng dụng và nhân rộng các kết quả hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tối đa đến 1.000 triệu đồng.

Chương IV

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NÂNG CAO NĂNG SUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Điều 10. Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh mới

1. Điều kiện hỗ trợ

Là doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, công cụ cải tiến chất lượng, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh mới quy định tại khoản 3 Điều 22 của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp.

3. Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 15 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp và

xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

b) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 15 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;

c) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm sản phẩm mới tại các đơn vị, tổ chức thử nghiệm sản phẩm hàng hóa nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;

d) Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới, công nghệ mới nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

Điều 11. Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị

1. Điều kiện hỗ trợ

Là doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 25 của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng:

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đề doanh nghiệp xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 15 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp; hợp đồng tư vấn xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 15 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ 100% chi phí cấp chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật nhưng không quá 20 triệu đồng/sản phẩm/năm/doanh nghiệp.

b) Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng:

- Hỗ trợ 100% chi phí thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa; chi phí chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ tối đa 50% chi phí đặt hàng các cơ sở, viện, trường để nghiên cứu thử nghiệm phát triển các sản phẩm, dịch vụ nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ tối đa 50% chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

Điều 12. Hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc gia, Giải Vàng Chất lượng Quốc gia, Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á - Thái Bình

1. Điều kiện hỗ trợ

Các doanh nghiệp, tổ chức đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc gia, Giải Vàng Chất lượng Quốc gia do Thủ tướng Chính phủ quyết định; Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương do Tổ chức Chất lượng Châu Á - Thái Bình Dương chứng nhận; Giải thưởng Hồ Chí Minh; Giải thưởng Nhà nước, Giải thưởng Lê Quý Đôn về khoa học và công nghệ.

2. Hình thức hỗ trợ

Hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sau khi đạt giải.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

- a) Đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc gia: 30 triệu đồng;
- b) Đạt Giải Vàng Chất lượng Quốc gia: 50 triệu đồng;
- c) Đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương: 100 triệu đồng.

Chương V

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ KHỞI NGHIỆP, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 13. Hỗ trợ tổ chức ngày hội, cuộc thi, hội thi khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo

1. Điều kiện hỗ trợ

Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện tổ chức, tham gia các hoạt động ngày hội, cuộc thi, hội thi khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

2. Hình thức hỗ trợ

Hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sau khi tổ chức, tham gia.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ kinh phí thuê mặt bằng (điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ), chi phí vận chuyển trang thiết bị, thiết kế, dàn dựng gian hàng và truyền thông cho sự kiện: 15 triệu đồng/đơn vị tham gia.

b) Chi giải thưởng cho các tổ chức, cá nhân có các công trình, giải pháp, đề tài đạt giải: 80 triệu đồng/giải nhất; 60 triệu đồng/giải nhì; 40 triệu đồng/giải ba; 20 triệu đồng/giải khuyến khích.

Số lượng các giải thưởng thực hiện theo quy định tại Thẻ lệ (hoặc Điều lệ) tổ chức các cuộc thi, hội thi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 14. Hỗ trợ phát triển hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực và dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

1. Điều kiện hỗ trợ

Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện tổ chức, tham gia các hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực và dịch vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

2. Hình thức hỗ trợ

Hỗ trợ theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ kinh phí mua bản quyền chương trình đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp, chuyển giao, phổ biến giáo trình khởi nghiệp đã được nghiên cứu, thử

nghiệm thành công trong nước, quốc tế cho một số cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh. Trong đó:

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Hỗ trợ 70% tổng dự toán kinh phí thực hiện.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập và doanh nghiệp: Hỗ trợ 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện.

b) Hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia trong nước, quốc tế để triển khai các khóa đào tạo khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đào tạo huấn luyện viên khởi nghiệp, nhà đầu tư khởi nghiệp tại một số cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh:

Đối với chuyên gia trong nước: Hỗ trợ 15 triệu đồng/chuyên gia/ khóa đào tạo dưới 30 ngày; hỗ trợ 40 triệu đồng/chuyên gia/khóa đào tạo từ 30 ngày trở lên.

Đối với chuyên gia nước ngoài: Hỗ trợ 40% tổng dự toán kinh phí thuê chuyên gia/khóa đào tạo. Tổng dự toán kinh phí thuê chuyên gia nước ngoài tối đa không quá 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ phát triển hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực và dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Điều 15. Hỗ trợ phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

1. Điều kiện hỗ trợ

Nhóm tác giả có hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

2. Hình thức hỗ trợ

Hỗ trợ trực tiếp cho nhóm tác giả.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ một phần kinh phí nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật của một số cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp thiết bị dùng chung cho các nhóm khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo: Hỗ trợ 30% tổng mức kinh phí thực hiện của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Hỗ trợ kinh phí đối với nhiệm vụ tư vấn thành lập cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thành lập cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ: Hỗ trợ 80 triệu đồng/nhiệm vụ/doanh nghiệp.

Điều 16. Hỗ trợ đối với hoạt động truyền thông về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

1. Điều kiện hỗ trợ

Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có hoạt động truyền thông về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

2. Hình thức hỗ trợ

Hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sau khi thực hiện.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

Hỗ trợ kinh phí xây dựng chương trình truyền thông về hoạt động khởi nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, hỗ trợ đầu tư cho khởi nghiệp và phổ biến tuyên truyền các điển hình khởi nghiệp thành công của tỉnh theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Hỗ trợ 50% tổng mức kinh phí thực hiện.

Điều 17. Hỗ trợ đối với hoạt động kết nối mạng lưới khởi nghiệp

1. Điều kiện hỗ trợ

Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có hoạt động kết nối mạng lưới khởi nghiệp.

2. Hình thức hỗ trợ

Hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sau khi thực hiện.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo để kết nối các mạng lưới khởi nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, đầu tư mạo hiểm trong nước, khu vực và thế giới: Thực hiện theo quy định hiện hành của tỉnh. Trong đó:

Đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Hỗ trợ 70% tổng dự toán kinh phí thực hiện.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập và doanh nghiệp: Hỗ trợ 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện.

b) Hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia kết nối các mạng lưới khởi nghiệp, sự kiện khởi nghiệp, kết nối với các chuyên gia khởi nghiệp trong khu vực và trên thế giới, do thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chương trình kết nối quyết định sau khi đã thỏa thuận với chuyên gia theo hợp đồng và trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

Đối với chuyên gia trong nước: Hỗ trợ 10 triệu đồng/chuyên gia/chương trình.

Đối với chuyên gia nước ngoài: Hỗ trợ 40% tổng dự toán kinh phí được phê duyệt để thuê chuyên gia/chương trình.

Điều 18. Hỗ trợ đối với doanh nghiệp có hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

1. Điều kiện hỗ trợ

Doanh nghiệp có hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

2. Hình thức hỗ trợ

Theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp khởi nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trả tiền công lao động trực tiếp; Kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ: Hỗ trợ mức tối đa theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Hỗ trợ kinh phí sử dụng dịch vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (gồm: đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp; marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; khai thác, thông tin công nghệ, sáng chế; thanh toán, tài chính; đánh giá, định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; tư vấn pháp lý, sở hữu trí tuệ, đầu tư, thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ): Hỗ trợ 200 triệu đồng/doanh nghiệp.

c) Hỗ trợ kinh phí để doanh nghiệp có hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tham gia các khóa huấn luyện tập trung ngắn hạn tại một số tổ chức thúc đẩy kinh doanh uy tín ở nước ngoài: Hỗ trợ 01 người/doanh nghiệp, mức hỗ trợ 40% kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 19. Hỗ trợ công tác quản lý

1. Điều kiện hỗ trợ

Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện công tác tổ chức, tham gia các hoạt động về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

2. Hình thức hỗ trợ

Theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Thuê địa điểm tổ chức sự kiện, chi thông tin tuyên truyền về sự kiện và chi phí hoạt động chung của Ban tổ chức sự kiện: Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền của tỉnh phê duyệt.

b) Chi tiếp các đoàn và khách mời quốc tế; tổ chức hội nghị, hội thảo trong nước, quốc tế trong thời gian tổ chức sự kiện theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Thực hiện theo quy định hiện hành của tỉnh.

c) Chi tổ chức xét chọn và chấm giải thưởng:

Thuê chuyên gia phân tích, đánh giá, khảo nghiệm công trình, giải pháp, đề tài dự thi: Tối đa không quá 2 triệu đồng/công trình, giải pháp, đề tài.

Chi chế độ họp Hội đồng giám khảo: Chủ tịch Hội đồng: 1 triệu đồng/người/buổi; Ủy viên, thư ký: 0,5 triệu đồng/người/buổi.

Chi thù lao đối với thành viên Ban Tổ chức và Ban Thư ký trong thời gian tổ chức hội thi, cuộc thi theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Ban Tổ chức: 0,3 triệu đồng/người/tháng; Ban Thư ký: 0,2 triệu đồng/người/tháng.

Chi hỗ trợ cho các tác giả đoạt giải đi nhận giải thưởng (gồm: chi phí đi lại, tiền ăn, ở trong thời gian nhận giải thưởng): Thực hiện theo quy định hiện hành.

Các khoản chi khác phục vụ công tác tổ chức các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật: Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được Trưởng Ban tổ chức các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật phê duyệt; gồm:

Chi tuyên truyền, vận động các tổ chức và cá nhân tham gia các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật; tuyên truyền về các công trình, giải pháp, đề tài đoạt giải.

Tổ chức Lễ phát động, Lễ tổng kết và trao giải cho các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật (bao gồm chi thuê địa điểm, trang trí khánh tiết, văn nghệ và chi khác liên quan trực tiếp đến tổ chức Lễ phát động, Lễ tổng kết và trao giải).

Thuê địa điểm trưng bày, triển lãm các công trình, giải pháp, đề tài đoạt giải trong thời gian trao giải ở địa phương, trong nước và quốc tế.

Chi văn phòng phẩm, thanh toán dịch vụ công cộng (tiền điện, nước, thông tin liên lạc), in ấn tài liệu, làm cúp, kỷ yếu của các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật.

Thuê nhân công để thực hiện các công việc khác có liên quan đến công tác tổ chức các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật.

Tổ chức hội nghị, hội thảo; Thuê phương tiện đi lại và công tác phí của Ban Tổ chức, Ban Chỉ đạo, Ban Thư ký theo chương trình, kế hoạch được phê duyệt: Thực hiện theo quy định hiện hành của tỉnh.

Trong trường hợp huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác (không phải nguồn ngân sách nhà nước) từ các tổ chức, cá nhân để tổ chức cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thuộc ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy chế xét tặng giải thưởng cụ thể của các tổ chức, cá nhân tài trợ sau khi đã được cơ quan có thẩm quyền đồng ý cho tổ chức, cá nhân đó tổ chức xét tặng giải thưởng theo quy định của pháp luật.

Chương VI

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Điều 20. Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số

1. Điều kiện hỗ trợ:

Doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện sau:

- Là doanh nghiệp nhỏ và vừa theo tiêu chí quy định tại Điều 5 của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

- Thực hiện các giải pháp chuyển đổi số để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Phương thức hỗ trợ

Hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp sau khi hợp đồng được thanh lý.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng tư vấn giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp về quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh, tối đa đến 100 triệu đồng/hợp đồng đối với doanh nghiệp nhỏ, tối đa đến 200 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa;

b) Hỗ trợ 50% chi phí cho doanh nghiệp thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ trong doanh nghiệp và chuyển đổi mô hình kinh doanh tối đa đến 50 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp siêu

nhỏ; tối đa đến 70 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và tối đa đến 120 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa.

Điều 21. Hỗ trợ thuê bao vệ tinh duy trì hoạt động thiết bị giám sát hành trình cho chủ tàu cá trên địa bàn tỉnh

1. Đối tượng áp dụng

- Các tổ chức, cá nhân là chủ tàu cá đăng ký tại tỉnh Hưng Yên;

2. Điều kiện hỗ trợ

Chủ tàu cá được hưởng chính sách hỗ trợ cước thuê bao dịch vụ vệ tinh duy trì hoạt động thiết bị giám sát hành trình khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Chủ tàu cá đăng ký tại tỉnh Hưng Yên và có đầy đủ các loại giấy tờ còn hiệu lực do cơ quan có thẩm quyền cấp bao gồm: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá; Giấy phép khai thác thủy sản; Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá;

b) Tàu cá đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình tàu cá, Hợp đồng dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá với đơn vị cung cấp dịch vụ còn thời hạn.

c) Thiết bị giám sát hành trình lắp trên tàu cá phải duy trì tín hiệu kết nối liên tục 24/24 giờ theo đúng quy định tại điểm g khoản 3 Điều 44 của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản (trừ trường hợp bất khả kháng).

3. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Đảm bảo kịp thời, công khai, minh bạch và đúng quy định;

b) Một chủ tàu có nhiều tàu cá đủ điều kiện được hỗ trợ thì thực hiện hỗ trợ đối với tất cả các tàu đủ điều kiện. Mỗi tàu cá chỉ được hỗ trợ cước thuê bao dịch vụ vệ tinh đối với 01 thiết bị giám sát hành trình.

4. Nội dung hỗ trợ

Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% theo Hóa đơn giá trị gia tăng cước dịch vụ vệ tinh duy trì hoạt động thiết bị giám sát hành trình tàu cá hàng năm (không bao gồm các dịch vụ phát sinh khác) nhưng tối đa đến 2 triệu đồng/tàu/năm, phần còn lại do chủ tàu cá tự chi trả.

5. Trường hợp không được hỗ trợ

Căn cứ dữ liệu hành trình tại Hệ thống giám sát tàu cá của năm trước liên kê, chủ tàu cá sẽ không được hưởng hỗ trợ nếu tàu cá vi phạm một trong các trường hợp sau:

a) Cảnh báo tàu cá vượt ranh giới vùng biển Việt Nam.

b) Tàu cá mất kết nối thiết bị giám sát hành trình trên 10 ngày trên biển.

c) Vị trí tàu cá nằm bờ từ 02 tháng (60 ngày) trở lên.